

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-11-2019.
V/v ly hôn giữa bà M
và ông D.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đức Quỳnh;

Ông Nguyễn Hữu Tinh.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Công Thương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Thiều Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1982; cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Xuân D, sinh năm 1965; cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo tại Toà án, bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà tự nguyện kết hôn với ông Trần Xuân D theo sự sắp đặt, giới thiệu của gia đình và người thân nên không có sự suy nghĩ và tìm hiểu trước, khi cưới có đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 10 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh

Nam Định. Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Trần Xuân H, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2001 và Trần Thị H1, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2007. Trong cuộc sống vợ chồng do độ tuổi quá chênh lệch nhau nên không hoà hợp và thường xuyên mâu thuẫn. Mặt khác kinh tế gia đình khó khăn một phần do làm ăn thua lỗ, một phần do ông D chơi bời dẫn đến nợ nần bế tắc. Tháng 3 năm 2016 bà quyết định đi xuất khẩu lao động nhằm kiếm tiền để lo cuộc sống gia đình và trang trải nợ nần. Qua 02 năm lao động gửi tiền về nhưng biết ông D không trả nợ mà ăn chơi tiêu tán hết nên bà đã cắt liên lạc, không gửi tiền cho ông D nữa mà gửi nhờ người thân trả nợ giúp. Hết hợp đồng 03 năm lao động nước ngoài trở về thấy ông D còn nợ nần nhiều hơn trước nên bà không về chung sống với ông D mà đi kiếm việc làm và sinh sống ở nơi khác. Nay bà xác định vợ chồng ly thân đã nhiều năm, không còn tình cảm gì với nhau nên yêu cầu được ly hôn. Con chung hiện cháu Trần Xuân H đã trưởng thành tự lập được, cháu Trần Thị H1 còn đang ăn học, bà có quan điểm sẽ nuôi dưỡng cháu H1 trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung vợ chồng tự giải quyết.

Tại lời khai ông Trần Xuân D xác nhận về các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản nợ nần của vợ chồng như bà M trình bày. Năm 2016 bà M đi 03 năm xuất khẩu lao động để lo kinh tế gia đình và trang trải nợ nần là do vợ chồng cùng bàn bạc thống nhất. Hơn một năm đầu lao động bà M có gửi tiền về cho ông, sau đó ông nhận được tin nhắn của bà M với nội dung “Tôi đi làm khó nhọc gửi tiền về để anh gái gú” rồi từ đó cắt liên lạc với ông. Hết hợp đồng lao động về nước bà M không về nhà với chồng con mà đi đâu, làm gì không cho ông biết. Ông xác nhận vợ chồng ly thân từ khi bà M đi nước ngoài cho đến nay nhưng bà M yêu cầu ly hôn ông không đồng ý, muốn vợ chồng đoàn tụ. Nếu bà M kiên quyết ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết đơn phương theo yêu cầu bà M. Con chung vợ chồng hiện cháu lớn Trần Xuân H đã trưởng thành tự lập được, cháu nhỏ Trần Thị H1 còn đang ăn học, ông có quan điểm sẽ nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung vợ chồng tự giải quyết.

Tại phiên toà: Bà Nguyễn Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn; con chung hiện cháu lớn Trần Xuân H đã tự lập được, không phải nuôi dưỡng; cháu nhỏ Trần Thị H1 còn đang ăn học, bà có nguyện vọng nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng; tài sản chung vợ chồng tự giải quyết. Ông Trần Xuân D xác nhận vợ chồng cắt liên lạc với nhau từ giữa năm 2017 đến nay, hiện bà M ở đâu ông không biết nhưng ông không đồng ý ly hôn; trường hợp nếu phải ly hôn thì hiện con chung cháu Trần Xuân H đã tự lập được, cháu Trần Thị H1 đang ở với bố nên ông tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng; tài sản chung vợ chồng tự giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ kiện: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà M và ông D đã trở nên trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc. Căn cứ quy định của pháp luật Hôn nhân gia đình, đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn để giải quyết ly hôn giữa các đương sự; con chung, giao bà M nuôi dưỡng cháu Trần Thị H1, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản vợ chồng tự giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Trần Xuân D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 10 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Trần Xuân H, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2001 và Trần Thị H1, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2007. Trong cuộc sống sinh hoạt vợ chồng mâu thuẫn phát sinh một mặt do tính tình không hợp nhau, mặt khác do kinh tế gia đình khó khăn nợ nần. Để khắc phục tình trạng này, năm 2016 vợ chồng ông D bà M thống nhất để bà M đi hợp tác lao động nước ngoài 03 năm nhằm khôi phục kinh tế gia đình. Tuy nhiên, trong thời gian bà M còn chưa hết hợp đồng lao động thì mâu thuẫn vợ chồng không những không được cải thiện mà còn căng thẳng thêm do bà M không tin tưởng về sự chung thủy cũng như việc chi tiêu kinh tế của chồng ở nhà nên cắt liên lạc với ông D. Mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên căng thẳng khi bà M hết hạn hợp đồng lao động trở về nước nhưng không quan tâm gì đến chồng mà đi làm ăn, sinh sống ở nơi khác không cho ông D biết. Nay bà M xác định vợ chồng mâu thuẫn kéo dài đã nhiều năm, tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn là có cơ sở để toà án xem xét. Phía ông D mặc dù có quan điểm không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng bản thân ông lại không có giải pháp tích cực nào nhằm hàn gắn rạn nứt tình cảm vợ chồng mà trái lại cứ buông xuôi, bỏ mặc tình trạng vợ chồng mỗi người một nơi không quan tâm gì đến nhau như ông xác nhận. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành hoà giải để ông bà tháo gỡ mâu thuẫn trở về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc nhưng phía bà M vẫn kiên quyết ly hôn. Điều đó cho thấy việc ông D không đồng ý ly hôn cũng sẽ không mang lại hạnh phúc mà chỉ làm kéo dài thêm sự bất hạnh của cuộc hôn nhân mà trên thực tế đã hoàn toàn đổ vỡ. Vì

vậy Toà án sẽ căn cứ vào quy định của pháp luật để xem xét giải quyết nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông D đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M để giải phóng khỏi sự ràng buộc của hôn nhân không hạnh phúc cho các bên là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với thực tế cũng như quy định của pháp luật.

[2] *Về nuôi con chung*: Bà M và ông D cùng xác nhận vợ chồng có hai con chung là Trần Xuân H, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2001 hiện đã trưởng thành, tự lập được và Trần Thị H1, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2007. Ông bà đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét nguyện vọng nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên của ông bà là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên hiện cháu H1 có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì xin được ở với mẹ, vì vậy nên giao cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H1 trưởng thành theo nguyện vọng của cả hai mẹ con bà là phù hợp.

[3] *Về tài sản*: Bà M và ông D cùng có quan điểm để vợ chồng tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị M đối với ông Trần Xuân D;

Xử lý hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Trần Xuân D.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Trần Thị H1, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2007 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trưởng thành. Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0001025 ngày 09/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Lộc;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Lộc;
- UBND xã T;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quang